

MỤC LỤC - CONTENTS

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 5 Nguyễn Văn Tuyên:** Nhận diện, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng và Nhà nước ta trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - Identifying and combating the plots and tactics of hostile forces against the communist party and state of vietnam in the era of national development.
- 10 Nguyễn Lê Hoàng Phương:** Tăng cường giáo dục thanh niên góp phần đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay - Enhancing youth education as a contribution to the current efforts in defending the ideological foundation of the Party.
- 16 Hồ Thị Hiền:** Tư tưởng đối ngoại của V.I. Lênin và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay - V.I.Lenin's foreign policy thought and its application in contemporary Vietnam.
- 21 Trần Đức Thuận:** Bảo vệ nguồn nhân lực trước tương lai trong kỷ nguyên AI - Future-proofing human resources in the AI era.
- 26 Đỗ Thị Liên - Lê Kiều Nương:** Thực trạng sinh viên chuyên ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam tại Trường Đại học Bạc Liêu sử dụng công nghệ AI trong việc thực hiện niên luận và khóa luận tốt nghiệp thuộc lĩnh vực văn học - The current situation of students majoring in Vietnamese Language and Culture at Bac Lieu University using AI technology in writing their graduation thesis in the field of literature.
- 32 Phan Thị Mỹ Ly:** Thực trạng và giải pháp rèn luyện kỹ năng sử dụng từ Hán Việt trong tạo lập văn bản của sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Trà Vinh trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo - The current situation and solutions for developing the skill of using sino-vietnamese words in text composition among vietnamese language and literature teacher education students at Tra Vinh University in the context of artificial intelligence.
- 38 Đỗ Hữu Sinh:** Phát triển đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao chất lượng dạy học trải nghiệm ngành Âm nhạc, Trường Đại học Thủ Dầu Một - Developing a team of lecturers to improve the quality of experiential teaching in music, thu dau mot university.
- 42 Dương Thị Phương Hà:** Tổ chức dạy học Toán theo hướng tích hợp góp phần phát triển năng lực toán học hóa tình huống thực tiễn - Organizing Math teaching in an integrated way contributes to developing the ability to mathematize practical situations.
- 47 Dương Truyền Nhân:** Bồi dưỡng tư duy thiết kế trong dạy học STEM: Nghiên cứu trường hợp dạy học chủ đề "Công và năng lượng" (Vật lí 10) - Fostering design thinking in STEM teaching: Case studies of teaching topic "Work and energy" (Physics 10).
- 51 Nguyễn Trần Ngọc Hân:** Phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục steam cho sinh viên ngành giáo dục mầm non thông qua hoạt động dạy học - Developing preschool education students' competence in organizing steam educational activities through teaching and learning practices.
- 56 Nguyễn Văn Bình:** Ứng dụng ChatGPT thúc đẩy dạy và học ở bậc đại học trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo - Application of ChatGPT in promoting teaching and learning process at higher education in the era of artificial intelligence.
- 61 Nguyễn Trần Nhật Linh - Lê Duy Khánh:** Các hình thức lập luận phổ biến trong nghiên cứu khoa học luật - Common forms of argumentation in legal scientific research.
- 65 Võ Thanh Minh Anh:** Giáo dục phát triển bền vững cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Đồng Nai: từ lý luận đến thực tiễn - Sustainable development education for students at Dong Nai University of education: from theory to practice.
- 69 Phạm Hoàng Bảo Trâm:** Văn hoá chất lượng trong các cơ sở giáo dục đại học - Quality culture in higher education institutions in Vietnam.
- 75 Phan Thị Bích Ngọc:** Vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong dạy học các môn lý thuyết cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng. - Applying the teaching method of raising problems in teaching theoretical subjects for students at Da Nang Sports University.
- 80 Tiêu Ngọc Xiếu:** Công tác cố vấn học tập trong đào tạo tín chỉ và tự chủ đại học - Academic advisory work in credit training and university autonomy.
- 85 Phan Thị Mỹ Hoa:** Đề xuất một số giải pháp ứng dụng công nghệ hiện đại trong đào tạo giáo viên thể chất - Proposal some solutions for applying modern technology in physical education teacher training.
- 90 Lê Thị Ngọc Nga:** Vận dụng phương pháp dạy học hiện đại hiệu quả hiện nay tại trường đại học - Applying effective modern teaching methods at universities today.
- 94 Đặng Thị Diễm My:** Kỹ năng số trong giáo dục mầm non tại tỉnh Long An: thách thức và cơ hội - Digital skills in early childhood education challenges and opportunities.
- 99 Tiêu Ngọc Xiếu:** Giải pháp hoàn thiện phương pháp giảng dạy sinh học đại cương tại trường đại học - Solutions to improve the method of teaching practical biology at niversities.
- 104 Nguyễn Thị Tâm Duyên - Lê Huỳnh Minh Nguyệt - Bùi Trần Hoàng Huy:** Ứng dụng Rubric trong đánh giá thực hành tiền lâm sàng phục hình mào răng tại khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Trà Vinh.
- 108 Hà Quang Triệu - Nguyễn Bích Thảo - Nguyễn Văn Công - Phạm Ngọc Thắm - Nguyễn Thị Ngọc Nguyên - Nguyễn Thị Tín Nhuận:** Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa Sư phạm khoa học tự nhiên, Trường Sư phạm - Trường Đại học Đồng Tháp - Current situation and solutions to enhance scientific research activities of students at faculty of natural sciences education, school of pedagogy, dong thap university.
- 114 Lê Thị Ngọc Nga:** Phương pháp giảng dạy hiệu quả môn sinh hóa đối với sinh viên các ngành khoa học ứng dụng trong nông nghiệp và môi trường - Effective teaching methods in biochemistry for students in applied agricultural and environmental sciences.

- 120 Hồ Tuấn Anh:** Vai trò của công nghệ trong đổi mới phương pháp giảng dạy trong ngành thiết kế nội thất - The role of technology in innovating teaching methods in the interior design industry.
- 125 Lê Huỳnh Như:** Nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên khoa Sư phạm và Xã hội nhân văn - Trường Đại học Kiên Giang - Enhancing soft skills education for students at the faculty of pedagogy and social sciences university of Kiên Giang.
- 130 Cao Thị Anh Thư - Nguyễn Thiếu Hoài Vi - Đặng Phương Anh - Nguyễn Thị Trà Giang - Phạm Thị Ngọc Hân - Đặng Ngọc Hân:** Thực nghiệm học liệu số về lễ hội văn hóa Việt Nam hỗ trợ dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học - Experimenting digital learning materials on vietnamese cultural festivals to support teaching history and geography in primary schools.
- 135 Bùi Phú Mỹ - Nguyễn Thị Ngọc Linh:** Nghiên cứu nhận thức của sinh viên về việc làm thêm đúng chuyên ngành: trường hợp sinh viên Khoa Quản trị nhà hàng khách sạn, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Students' awareness of industry-relevant part-time jobs: the case of hospitality management students at hanoi university of industry.
- 140 Lương Hà Chúc Quỳnh:** Ứng dụng hồ sơ học tập điện tử trong việc nâng cao chất lượng dạy và học môn Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ - Applications of eportfolios for improvement in teaching and learning english teaching methodology.
- 145 Huỳnh Chí Hiếu - Phạm Văn Âu:** Xây dựng mô hình dạy học kết hợp (blended learning) trong đào tạo nghề công nghệ thông tin tại Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè - Building a blended learning model in information technology training at cai be technical and vocational college.
- 149 Trịnh Đức Thành:** Vấn đề tạo động cơ học tập cho người học trong một số tác phẩm văn học - On the issue of creating learning motivation for learners in some literary works.
- 155 Bùi Quang Diệp:** Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý thư viện – thách thức và một số giải pháp nâng cao hiệu quả - Application of artificial intelligence (AI) in library management – challenges and some solutions to enhance effectiveness.
- 160 Dương Minh Ngọc:** Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của cố vấn học tập tại khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Bạc Liêu - Some solutions to improve the quality of activities of academic advisors at faculty of social sciences bac lieu university.
- 165 Lê Hồng Phượng:** Ứng dụng sơ đồ Gantt trong việc lập kế hoạch và quản lý tiến độ thực hiện khóa luận tốt nghiệp: nghiên cứu trường hợp sinh viên ngành quản trị kinh doanh, trường đại học tiến giang - Applying the gantt chart in planning and managing the progress of undergraduate thesis implementation: a case study of business administration students at tien giang university.
- 171 Nguyễn Trần Ngọc Hân:** Biện pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Đại học Đồng Tháp - Mmeasures for developing the competence to organize steam educational activities for early childhood education students at dong thap university.
- 177 Phạm Nguyễn Huy Hoàng:** Tác động của công nghệ AI đối với vai trò của giáo viên trong giảng dạy kỹ năng nói Tiếng Anh - Impact of AI technology on the role of teachers in teaching english speaking skills.
- 182 Lê Thuỳ Tâm - Nguyễn Thị Huệ Linh:** Nâng cao năng lực giao tiếp trong Tiếng Anh chuyên ngành: góc nhìn từ Trường Đại học Hàng hải Việt Nam - Improving communication skills in specialized English: perspectives from Vietnam Maritime University.
- 187 Nguyễn Xuân Bách:** Áp dụng kỹ thuật Shadowing để cải thiện khả năng tự học nói Tiếng Anh cho sinh viên Học viện Tài chính - The application of the shadowing technique to enhance english speaking autonomy among students at the academy of finance.
- 192 Đỗ Quỳn Phương - Nguyễn Thị Bích Vân - Đinh Thị Huyền Diệu:** Vận dụng phương pháp học theo dự án (PBL) trong dạy học tích hợp môn Tiếng Anh - Application of PBL method in integrated teaching of english.
- 197 Trần Thái Hà:** Vượt qua rào cản tâm lý trong học Tiếng Anh: áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên tâm lý học tích cực cho sinh viên không chuyên tiếng anh tại Học viện An ninh nhân dân - Overcoming psychological barriers in English learning: Applying a positive psychology-based approach for Non-English majored students at the People's Security Academy.
- 201 Lê Thùy Trang:** Ảnh hưởng của phương pháp học tập chủ động đến sự tự tin của người học trong giao tiếp Tiếng Anh - The effects of active learning methods on students' confidence in english communication.
- 206 Huỳnh Chí Xuân Huyền:** Việc sử dụng trò chơi ngôn ngữ trong lớp học Tiếng Anh: những khó khăn và giải pháp - Implementing language games in english language classrooms: challenges and solutions.
- 212 Nguyễn Thị Nhiên - Vũ Thuỳ Linh - Phùng Văn Thân:** Vai trò của giảng viên trong việc tạo dựng môi trường dạy học Tiếng Anh hiệu quả tại Trường Đại học Đại Nam - The role of lecturers in creating an effective English teaching environment at Dai Nam.
- 217 Võ Thanh Minh Anh:** khoảng cách giữa lời nói và giấy trắng: giải mã nỗi sợ viết học thuật ở học sinh giỏi tiếng anh tại Việt Nam - The gap between spoken word and white paper: deciphering academic writing apprehension among gifted english language learners in Vietnam.
- 222 Nguyễn Thị Kim Ngọc - Mai Thị Yến Nhi:** Nâng cao khả năng nói Tiếng Anh trôi chảy thông qua dự án kể chuyện kỹ thuật số: nghiên cứu đối với sinh viên sư phạm - Enhancing english speaking fluency through digital storytelling projects: a study of pre-service teachers.
- 227 Nguyễn Thị Minh Huyền:** Phát triển kỹ năng viết tiếng Anh cho sinh viên đại học qua hình thức viết cộng tác online - Developing English writing skills for university students through online collaborative writing.
- 232 Nguyễn Thị Kim Ngọc - Quách Thảo Vy - Phạm Thị Quỳnh Như:** Nghiên cứu việc sử dụng ChatGPT, Grammarly, Elsa hay các công cụ AI khác trong dạy và học tiếng Anh - A study on the use of chatgpt, grammarly, elsa, and other ai tools in english language teaching and learning.

- 236 Cao Sơn Hùng:** Nâng cao kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh cho sinh viên các trường đại học hiện nay - Improving English listening comprehension skills for current university students.
- 241 Nguyễn Thị Anh Thư:** Lý luận và pháp luật về người sử dụng đất tại Việt Nam theo Luật Đất đai 2024: những bất cập trong mối quan hệ với quy định sở hữu nhà ở và kiến nghị hoàn thiện - Theoretical and legal framework on land users in vietnam under the 2024 land law: inconsistencies with housing ownership regulations and recommendations for improvement.
- 247 Nguyễn Thị Thảo - Vũ Thị Tươi:** Thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị - Implementing the law on gender equality in the political field.
- 252 Ung Thị Ngọc Nhung:** Hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật - Social criticism activities of the vietnam fatherland front in the process of building and issuing legal documents.
- 257 Phạm Minh Gia Ý:** Những hạn chế, bất cập về thi hành án hành chính trong dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 - Limitations and inadequacies in the enforcement of administrative judgments in the draft law amending and supplementing a number of articles of the administrative procedure law No. 93/2015/QH13.
- 263 Đỗ Thị Hồng Vân:** Biện pháp tạm giữ trong tố tụng hình sự và vấn đề áp dụng, thi hành trong thực tiễn - Detention measures in criminal procedures and the issues of application and enforcement in practice.
- 268 Phạm Thị Hòa:** Quản lý và vận hành chung cư: những thách thức trong việc thực thi quyền lợi cư dân và nghĩa vụ chủ đầu tư - Management and operation of apartment buildings: challenges in enforcement of residents' rights and investors' obligations.
- 273 Nguyễn Đức Thái:** Thẩm quyền vượt lãnh thổ trong DSA/DMA: thách thức đối với nguyên tắc chủ quyền nhà nước trong luật quốc tế - Extraterritorial jurisdiction in DSA/DMA: challenges to the principle of state sovereignty in international law.
- 278 Trương Lê Nguyên Thảo:** Quyền lực nền tảng và tiến hóa học thuyết chống độc quyền: khung pháp lý đề xuất cho Việt Nam - Platform power and the evolution of antitrust theories: a proposed legal framework for Vietnam.
- 283 Nguyễn Văn Trường - Nguyễn Thu Thảo - Nguyễn Duy Tân:** Hậu quả pháp lý của việc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 - Legal consequences of the employer's illegal unilateral termination of an employment contract under the 2019 Labor Code.
- 288 Lê Văn Dũng:** Pháp luật Việt Nam về thu giữ tài sản bảo đảm - Vietnamese law on the seizure of secured assets.
- 293 Trần Cẩm Vân:** Công ước quốc tế về bảo vệ thai sản và khả năng nội luật hóa tại việt nam: tiếp cận từ góc độ pháp luật lao động và an sinh xã hội - The international convention on maternity protection and the possibility of its domestic implementation in vietnam: a legal perspective on labour law and social security.
- 298 Nguyễn Thị Kim Quyên:** Hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa theo pháp luật Việt Nam - thực tiễn áp dụng và giải pháp hoàn thiện - Legal force of contracts for the sale of goods in vietnam - enforcement realities and legislative improvement measures.
- 303 Lê Hữu Dũng:** Bảo đảm quyền làm việc của người lao động khuyết tật theo quy định của pháp luật - thực trạng và kiến nghị - Ensuring the right to work of workers with disabilities according to the provisions of the law - current situation and recommendations.
- 308 Nguyễn Huy Phục - Phan Bá Đạt:** Đề xuất loại bỏ quy định về đối thoại trong tố tụng hành chính - Proposal to repeal provisions on dialogue in administrative litigation.
- 314 Phạm Thị Thủy - Nguyễn Thị Thúy Loan:** Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có - lý luận và thực tiễn - The offense of harboring or consuming property acquired through the commission of a crime by another person - theoretical and practical perspectives.
- 319 Đào Thị Nhung:** Tác động của chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đến hoạt động thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng - The impact of administrative reorganization policies on land acquisition for socio-economic development for the national and public interest.
- 324 Nguyễn Thị Thủy Dung:** Phát triển du lịch bền vững ở việt nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp 4.0 - Sustainable tourism development in Vietnam in the context of globalization and industrial revolution 4.0.
- 329 Bùi Quốc Lộc:** Những vấn đề đặt ra trong việc cung ứng dịch vụ công trực tuyến hiện nay - Issues arising in the provision of online public services today.
- 333 Nguyễn Thị Hồng Xoan:** Sự phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19 tại Việt Nam theo cách tiếp cận giới và một số kiến nghị về chính sách bình đẳng giới - Post-COVID-19 economic recovery in Vietnam: a gender perspective and policy recommendations for gender equality.
- 339 Lê Nhật Minh Châu - Trần Linh Huân - Trần Minh Chương - Phạm Thị Hồng Tâm:** Không tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện - vấn đề đặt ra và một số giải pháp - Eliminating district-level local government: emerging issues and proposed solutions.
- 344 Hà Huy Hiệu - Nguyễn Hữu Nghị - Đỗ Thái Hà:** Nhân tố quy định văn hóa chính trị của thanh niên Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay - Factors determining the political culture of youth in the vietnamese people's army today.
- 349 Lê Quang Bá:** Công tác bồi dưỡng, huấn luyện đội tuyển học viện cảnh sát nhân dân tham gia đại hội khỏe "Vì an ninh tổ quốc" lần thứ IX năm 2025 - Raising and functioning for the people's police academy team to participate in the 9th "for national security" health congress in 2025.
- 354 Đào Công Bin - Phạm Thanh Vũ:** Quá trình triển khai thực hiện chủ trương toàn dân, toàn diện kháng chiến trên Chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng giai đoạn 1945 - 1954 - The process of implementing the policy of all-people, all-round resistance on the Quang Nam - Da Nang battlefield in the period of 1945 - 1954.

- 359 Văn Ngọc Sen - Hoàng Ngọc Đạo:** Hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015-2022 - The effectiveness of training and fostering commune-level cadres and civil servants in Khanh Hoa province in the period 2015-2022.
- 365 Bùi Mạnh Tấn:** Giải pháp nâng cao ý thức kỷ luật của quân nhân chuyên nghiệp ở Học viện Chính trị hiện nay - Solutions to improve discipline awareness of professional soldiers at political academy today.
- 369 Nguyễn Trần Nhật Linh - Lâm Thị Mai Danh - Lê Duy Khánh:** Tổ chức và hoạt động của cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực - Organization and operation of inspectorates by sector and field.
- 374 Trần Đức Thuận - Nguyễn Viết Bình:** Phát triển bền vững: khi kinh tế xanh là chìa khóa cho tương lai - Sustainable development: when the green economy is the key to the future.
- 379 Mai Hòa An:** Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của người dân tỉnh Bạc Liêu - Factors influencing household educational expenditure in Bac Lieu province.
- 385 Nguyễn Thành Nhân - Hồ Thị Hà - Lê Nguyễn Ngọc Huỳnh:** Thực trạng nhu cầu xã hội về đào tạo ngành Triết học trình độ thạc sĩ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long - The current state of social demand for master's level philosophy education in the Mekong delta.
- 389 Lê Thành Thắng - Nguyễn Trọng Thuận - Văn Thị Ái Nguyên:** Giải pháp nâng cao công tác hợp tác doanh nghiệp tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh - Solutions to improve business cooperation at tra vinh vocational college.
- 395 Cao Thị Thùy Trang - Tô Hoàng Thịnh - Nguyễn Ngọc Trâm Anh:** Mối quan hệ giữa chánh niệm và sự hài lòng trong mối quan hệ cặp đôi - The association between mindfulness and relationship satisfaction in romantic partnerships.
- 401 Khoa Anh Việt - Hoàng Thùy Hương:** Một số triết lý thiên tông nổi bật trong Pháp Bảo Đàn Kinh - Some outstanding zen philosophies in the platform sutra.
- 407 Trương Tài Linh:** Tính hiện đại hóa dân gian qua một số sáng tác của nhạc sĩ Cao Văn Lý - The modernization of folk elements in selected compositions by musician Cao Van Ly.
- 412 Phạm Thuận Hải Thảo:** Làm lại như một phương pháp giáo dục trong phim: từ sự thích nghi văn hóa đến đào tạo sáng tạo - Remake as educational method in film: from cultural adaptation to creative training.
- 417 Vũ Duy Định:** Quan điểm đức trị của nho giáo: giá trị nhân văn và ý nghĩa thời đại - The confucian perspective on rule by virtue: its humanistic value and contemporary significance.
- 423 Phạm Trần Thế Vinh:** "Chữa lành" bằng tản văn trên mạng xã hội - một xu hướng mới hiện nay - "Healing" with prosas on social networks - a new trend today.
- 428 Vũ Mộng Đóa - Đào Thị Hiếu:** Các yếu tố tác động đến việc thực hiện chính sách dân tộc về văn hóa- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng - Factors influencing the implementation of ethnic policies on socio-cultural issues in ethnic minority areas in Lam Dong province.
- 434 Đinh Thảo Quyên:** Mối quan hệ giữa kiệt sức làm cha mẹ và chủ nghĩa hoàn hảo - The relationship between parental burnout and perfectionism.
- 439 Vy Kim Anh:** Hình tượng chim Phượng trong nghệ thuật trang trí thời nhà Nguyễn - The image of the Phoenix in decorative art of the Nguyen Dynasty.
- 444 Sơn Cao Thắng - Thạch Huỳnh Thương- Sơn Lý Quý:** Nghi thức cúng tổ trong sân khấu Rô-băm của người Khmer (Trường hợp Yeak Rom ở Pnô On-đet, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) - Characteristics in the Rô-băm ancestor worship ritual of the Khmer people (Case Study of Yeak Rom Pnô On-đet, Da Loc Commune, Chau Thanh District, Tra Vinh Province).
- 450 Trịnh Minh Hiếu:** Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nhà ở truyền thống của người Chăm An Giang trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay - Solutions for the preservation and promotion of the cultural values of traditional houses of the cham people in an giang in current socioeconomic development.
- 455 Kiều Văn Đạt:** Lịch sử di dân qua địa danh tỉnh Trà Vinh - History of immigration through place names in Tra Vinh province.
- 460 Yi Kim Quang:** Phát triển du lịch tâm linh tại An Giang: thực trạng và giải pháp - Spiritual tourism development in an giang: current issues and solutions.
- 466 Lưu Thị Liên:** Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Táo quân của người hoa ở Bạc Liêu - An exploration of the Kitchen God worship belief of the Chinese people in Bac Lieu
- 470 Lê Thanh Ngân:** Thiết kế đồ họa vì cộng đồng: tiếp cận mới trong giải quyết vấn đề xã hội bằng công cụ thị giác - Graphic design for the community: a new approach to addressing social issues through visual communication.
- 475 Đặng Thị Thu Hiền:** Chiến lược PR (public relation) trong xu thế cạnh tranh tuyển sinh của các trường mầm non tư thục - Strategic public relations in response to competitive enrollment pressures in the private preschool sector.
- 479 Trần Thị Thu Hiền:** Tem bưu chính: từ khái niệm cơ bản đến đời sống và thiết kế - Postage stamps: from foundational concepts to cultural relevance and design.
- 483 Lưu Quốc Dũng - Nguyễn Văn Dương - Việt Hải - Huỳnh Văn Quang - Thái Văn Huy:** Thiết kế, chế tạo hệ thống truyền lực 4WD (four-wheel drive) - Design and manufacture of 4WD powertrain.
- 489 Bùi Thị Quỳnh Hoa:** Bàn về màu sắc trong thiết kế đồ họa - Color in graphic design.
- 494 Ngô Vũ Quỳnh Anh:** Đánh giá hoạt tính kháng oxy hóa của của dịch vẩy xanh PPeria viridis sau khi sấy khô bằng Enzym protease - Valuation of antioxidant activity of green-mussen extract perna viridis after drying with protease enzyme.
- 500 Trần Thị Bích Như:** Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến một số loài cá nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long - Climate change impacts on selected freshwater fish species in the mekong delta.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

NGUYỄN THỊ THÙY DUNG
Trường Du lịch, Đại học Huế

Nhận bài ngày 10/5/2025. Sửa chữa xong 30/5/2025. Duyệt đăng 10/6/2025.

Abstract

In the context of globalization and the strong industrial revolution 4.0, the Vietnamese tourism industry is facing both great opportunities and challenges. The explosion of digital technology along with the increasing demand for service quality and environmental protection requires the tourism industry to transform towards sustainable development. Sustainable tourism development not only aims to meet current needs but also ensures the maintenance of resources, culture and environment for future generations. This article studies the current situation and proposes some solutions for sustainable tourism development in Vietnam in the context of globalization and the industrial revolution 4.0.

Keywords: Tourism, sustainability, globalization, industrial revolution 4.0.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang diễn ra mạnh mẽ, ngành du lịch Việt Nam đứng trước cả cơ hội lớn và thách thức không nhỏ. Toàn cầu hóa tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu văn hóa, thu hút khách du lịch quốc tế và mở rộng thị trường du lịch. Đồng thời, sự phát triển của công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật,... đã và đang làm thay đổi sâu sắc cách thức tổ chức, quản lý và trải nghiệm du lịch. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của du lịch nếu không gắn với tính bền vững, sẽ gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng như suy thoái môi trường, mai một bản sắc văn hóa,... Vì vậy, phát triển du lịch bền vững trở thành yêu cầu cấp thiết, không chỉ nhằm bảo vệ tài nguyên lâu dài mà còn bảo đảm lợi ích hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Việc nghiên cứu các giải pháp phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN 4.0 có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tính cấp thiết phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0

Tại Điều 3, chương 1, Luật Du lịch 2017 đã quy định rõ: “Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai” [1, tr. 4]. Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và tác động mạnh mẽ của cuộc CMCN 4.0, phát triển du lịch bền vững không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam.

Thứ nhất, phát triển du lịch bền vững là giải pháp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường - nền tảng của ngành du lịch. Việt Nam sở hữu nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, hệ sinh thái phong phú và đa dạng văn hóa đặc sắc. Tuy nhiên, áp lực của phát triển du lịch ồ ạt, thiếu kiểm soát đã và đang gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tiêu cực đến sức hấp dẫn của điểm đến. Chỉ

Email: Jun768686@gmail.com

có du lịch bền vững mới đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, duy trì giá trị lâu dài cho các thế hệ mai sau.

Thứ hai, toàn cầu hóa khiến thị trường du lịch ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Du khách hiện đại không chỉ quan tâm đến dịch vụ, mà còn đặt tiêu chí xanh – sạch – nhân văn làm trung tâm trong lựa chọn điểm đến. Du lịch bền vững sẽ giúp Việt Nam nâng cao hình ảnh, tạo dựng thương hiệu du lịch thân thiện, có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường, từ đó thu hút khách quốc tế có chất lượng cao và giữ chân khách quay trở lại.

Thứ ba, cuộc CMCN 4.0 đang mở ra cơ hội to lớn để ứng dụng công nghệ vào quản lý, quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch. Tuy nhiên, nếu không đi kèm với chiến lược phát triển bền vững, việc khai thác công nghệ có thể dẫn đến thương mại hóa cực đoan, phá vỡ cân bằng sinh thái và giá trị bản sắc. Do đó, phát triển du lịch bền vững sẽ là kim chỉ nam để công nghệ phục vụ con người và môi trường một cách hài hòa.

Thứ tư, du lịch bền vững góp phần phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống cộng đồng, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa. Thông qua việc khuyến khích du lịch cộng đồng, gìn giữ văn hóa truyền thống, tạo sinh kế cho người dân, du lịch bền vững giúp giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển và thực hiện mục tiêu công bằng xã hội trong phát triển kinh tế du lịch.

2.2. Thực trạng phát triển ngành du lịch ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, ngành du lịch Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc, trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự vào cuộc của các bộ, ngành và địa phương, cùng với nỗ lực của các doanh nghiệp và cộng đồng, du lịch Việt Nam đã gặt hái nhiều thành tựu đáng ghi nhận trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, lượng khách du lịch liên tục tăng trưởng mạnh qua các năm. “Năm 2024, ngành Du lịch Việt Nam đón hơn 17,5 triệu lượt khách quốc tế, tăng 39,5% so với năm trước”[5]. Cùng với đó, lượng khách nội địa cũng tăng ổn định, cho thấy nhu cầu du lịch trong nước ngày càng lớn. Những điểm đến nổi bật như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hạ Long, Hội An, Phú Quốc... tiếp tục thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch ngày càng hiện đại và đồng bộ. Hệ thống giao thông kết nối các điểm du lịch ngày càng thuận lợi hơn, với nhiều dự án nâng cấp sân bay, đường cao tốc, cảng biển... được triển khai. Các cơ sở lưu trú từ bình dân đến cao cấp không ngừng được đầu tư và mở rộng cả về quy mô lẫn chất lượng dịch vụ. Sự phát triển của các khu nghỉ dưỡng, tổ hợp vui chơi giải trí hiện đại tại nhiều tỉnh, thành phố đã góp phần nâng cao năng lực phục vụ và cải thiện trải nghiệm cho du khách.

Thứ ba, sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng và đặc sắc. Du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng, mạo hiểm... được khai thác phong phú hơn, phù hợp với xu hướng và nhu cầu thị trường. Các địa phương đã chủ động xây dựng thương hiệu điểm đến, phát triển sản phẩm du lịch gắn với giá trị văn hóa đặc trưng, góp phần làm phong phú bản đồ du lịch quốc gia. Các sự kiện du lịch lớn như lễ hội pháo hoa quốc tế, tuần lễ du lịch xanh, lễ hội hoa, festival biển... cũng được tổ chức chuyên nghiệp hơn, tạo điểm nhấn thu hút du khách.

Thứ tư, công tác chuyển đổi số và quảng bá du lịch có nhiều chuyển biến tích cực. Các nền tảng số, ứng dụng công nghệ thông tin đã được ứng dụng rộng rãi trong quản lý, điều hành và quảng bá du lịch. Nhiều doanh nghiệp du lịch đã triển khai bán vé, đặt tour, giới thiệu dịch vụ qua các ứng dụng trực tuyến, mạng xã hội, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thúc đẩy du lịch thông minh. Chiến dịch quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới cũng được chú trọng thông qua các kênh truyền thông quốc tế và sự kiện giao lưu văn hóa, thể thao.

2.1.2. Một số tồn tại, hạn chế

Mặc dù ngành du lịch Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong những năm qua, song vẫn tồn tại không ít hạn chế, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Thứ nhất, chất lượng dịch vụ du lịch còn chưa đồng đều và chưa thực sự chuyên nghiệp. Tại một số địa phương, vẫn còn tình trạng “chặt chém” du khách, thiếu kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ của nhân viên du lịch, cơ sở vật chất xuống cấp,... Điều này làm giảm trải nghiệm và mức độ hài lòng của khách, đặc biệt là khách quốc tế. Ngoài ra, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, thiếu tính độc đáo, chưa khai thác sâu giá trị văn hóa - lịch sử, dẫn đến việc khách khó quay trở lại.

Thứ hai, công tác quy hoạch và quản lý điểm đến du lịch còn có những bất cập. Một số địa phương chạy theo phong trào phát triển du lịch, đầu tư ồ ạt, thiếu tầm nhìn dài hạn, dẫn đến tình trạng phá vỡ cảnh quan, môi trường sinh thái và quá tải hạ tầng. Việc khai thác tài nguyên du lịch chưa gắn với bảo tồn, bảo vệ môi trường bền vững, khiến nhiều danh lam thắng cảnh bị xuống cấp hoặc ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến hình ảnh du lịch Việt Nam trong mắt du khách quốc tế.

Thứ ba, “hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch thông qua tổ chức các sự kiện quốc tế về văn hóa, thể thao,... còn hạn chế, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao” [3; tr.2]. Việc ứng dụng công nghệ số, truyền thông hiện đại vào quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam còn chưa thực sự hiệu quả. Điều này khiến Việt Nam dù có tiềm năng lớn nhưng vẫn chưa thực sự là điểm đến nổi bật so với các quốc gia trong khu vực.

Những hạn chế nêu trên đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ, chiến lược dài hạn và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành và địa phương để phát triển ngành du lịch Việt Nam bền vững, hiệu quả.

2.3. Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0

2.3.1. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và khung pháp lý liên quan đến du lịch bền vững

Trong giai đoạn hiện nay, việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và khung pháp lý liên quan đến du lịch bền vững là yếu tố then chốt, góp phần tạo lập môi trường thuận lợi cho ngành du lịch phát triển theo hướng hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và môi trường. Thực tiễn cho thấy, mặc dù Việt Nam đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược phát triển du lịch có đề cập đến yếu tố bền vững, song có mặt chưa sát với thực tiễn và chưa theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của xu thế toàn cầu. Vì vậy, cần sớm rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các chính sách, quy định pháp luật mang tính chuyên sâu về du lịch bền vững, gắn với định hướng phát triển xanh, tuần hoàn, có trách nhiệm và ứng dụng công nghệ hiện đại.

Trước hết, cần xây dựng hệ thống pháp lý rõ ràng, thống nhất và có tính thực thi cao nhằm định hướng cho hoạt động phát triển du lịch bền vững. Ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể về tiêu chí du lịch bền vững, tiêu chuẩn đánh giá cơ sở lưu trú, khu du lịch, điểm du lịch xanh và thân thiện môi trường. Ngoài ra, cần có cơ chế kiểm soát, giám sát và chế tài xử lý rõ ràng, nghiêm minh đối với các hành vi gây tổn hại đến môi trường, văn hóa và cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển du lịch.

Bên cạnh đó, cần xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển du lịch bền vững thông qua ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và địa phương. Nhà nước cần có chính sách tín dụng ưu đãi, giảm thuế hoặc hỗ trợ vốn vay cho các dự án du lịch thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ số, bảo tồn di sản và phát triển cộng đồng. Đồng thời, cần lồng ghép các yếu tố của du lịch bền vững vào các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân trong xây dựng và thực hiện chính sách, từ đó tạo nên sự đồng thuận và tính khả thi trong quá trình thực thi.

2.3.2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phát triển du lịch

Hiện nay, “công nghệ số đang làm thay đổi ngành du lịch với nhiều tính năng tích hợp mới” [6]. Và “thực tế cho thấy, việc sử dụng công nghệ trong du lịch đã được triển khai rộng khắp trong các hoạt động của ngành du lịch trong những năm gần đây” [6]. Công nghệ số không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch mà còn tạo điều kiện để các doanh nghiệp, địa phương và du khách tương tác, khai thác và trải nghiệm du lịch một cách thông minh, thuận tiện và hiệu quả.

Trước hết, cần tăng cường đầu tư và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho quản lý và điều hành du lịch. Việc xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu lớn (big data) về điểm đến, doanh nghiệp du lịch, nhu cầu và hành vi du khách sẽ giúp cơ quan quản lý có căn cứ khoa học để phân tích, dự báo xu hướng, từ đó đưa ra chính sách điều hành linh hoạt, hiệu quả. Đồng thời, cần triển khai các nền tảng quản lý trực tuyến kết nối giữa chính quyền, doanh nghiệp và du khách nhằm đảm bảo công khai, minh bạch và phản ứng nhanh với các vấn đề phát sinh. Các công cụ như hệ thống định vị, quản lý khách theo thời gian thực, trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích hành vi người dùng cũng nên được ứng dụng để tối ưu hóa công tác quản lý du lịch.

Ngoài ra, cần “khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số trong nước đầu tư phát triển các ứng dụng cho du lịch thông minh; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực du lịch dựa trên nền tảng công nghệ số” [4, tr. 4]. Các nền tảng số như website, mạng xã hội, ứng dụng di động cần được tận dụng tối đa để giới thiệu sản phẩm du lịch, bán vé, đặt phòng, hướng dẫn viên, hỗ trợ ngôn ngữ và tư vấn hành trình. Ngoài ra, việc tích hợp thanh toán điện tử, phản hồi đánh giá tự động, chatbot hỗ trợ khách hàng... sẽ làm tăng tính chuyên nghiệp, tiện lợi, từ đó góp phần gia tăng sức cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam trên thị trường quốc tế.

2.3.3. Phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên và giá trị văn hóa bản địa

Phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên và giá trị văn hóa bản địa đang trở thành một định hướng quan trọng nhằm đảm bảo phát triển bền vững ngành du lịch Việt Nam. Đây không chỉ là cách để khai thác hiệu quả tiềm năng của các địa phương mà còn là giải pháp gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế.

Thứ nhất, cần khai thác hợp lý các tài nguyên thiên nhiên gắn với giữ gìn hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Các địa phương có điều kiện về cảnh quan, khí hậu, rừng nguyên sinh, hang động, biển đảo... cần tập trung phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với hoạt động giáo dục môi trường. Đồng thời, cần kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch để tránh phá vỡ cảnh quan tự nhiên và gây ô nhiễm môi trường.

Thứ hai, phát triển sản phẩm du lịch cần gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Những lễ hội truyền thống, nghề thủ công, ẩm thực địa phương, kiến trúc nhà cổ, ngôn ngữ và phong tục tập quán... là nguồn tài nguyên văn hóa quý giá cần được gìn giữ và khai thác hợp lý. Việc xây dựng các tour du lịch văn hóa, du lịch làng nghề, du lịch tâm linh tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc các di sản được UNESCO công nhận sẽ không chỉ tạo ra nguồn thu nhập bền vững cho cộng đồng mà còn khơi dậy niềm tự hào văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững, cần có sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương trong quá trình xây dựng và quản lý sản phẩm du lịch. Bên cạnh đó, cần ứng dụng công nghệ số để quảng bá, kết nối du khách với sản phẩm, đồng thời kiểm soát tác động môi trường thông qua các công cụ quản lý thông minh. Sự kết hợp hài hòa giữa phát triển du lịch và bảo tồn sẽ giúp Việt Nam vừa nâng cao vị thế du lịch trên trường quốc tế, vừa gìn giữ được những giá trị nguyên bản quý báu của thiên nhiên và văn hóa dân tộc.

2.3.4. Tăng cường liên kết vùng và hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, việc tăng cường liên kết vùng và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trở thành một giải pháp chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, du lịch không thể phát triển riêng lẻ mà cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, vùng miền và giữa quốc gia với các đối tác quốc tế để tạo ra chuỗi giá trị du lịch đa dạng, chất lượng và hấp dẫn.

Trước hết, cần “phát huy thế mạnh và tăng cường liên kết giữa các vùng, miền, địa phương hướng tới hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng theo các vùng du lịch [2; tr.3]. Việt Nam có lợi thế sở hữu nhiều vùng du lịch đặc trưng như vùng núi Tây Bắc, duyên hải miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long,... Việc xây dựng các chương trình du lịch kết nối giữa các tỉnh, thành trong từng vùng và giữa các vùng với nhau sẽ giúp phát huy thế mạnh tổng thể, giảm thiểu sự trùng lặp sản phẩm, đồng thời phân bổ hợp lý dòng khách và lợi ích kinh tế. Cần có chính sách và cơ chế khuyến khích các địa phương cùng đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, cơ sở lưu trú, chia sẻ dữ liệu và thông tin thị trường, quảng bá hình ảnh vùng du lịch chung để hình thành các thương hiệu du lịch vùng bền vững.

Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam trên thị trường toàn cầu. Việc mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, các quốc gia và vùng lãnh thổ có tiềm năng du lịch phát triển không chỉ giúp Việt Nam tiếp cận với tri thức, công nghệ, mô hình quản lý tiên tiến mà còn mở ra cơ hội thu hút đầu tư, nguồn khách và nâng cao vị thế ngành

du lịch. Việt Nam cần đẩy mạnh ký kết các thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương về du lịch; tham gia tích cực vào các diễn đàn, hội nghị du lịch khu vực và thế giới; tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch tại các thị trường mục tiêu; cũng như chủ động xây dựng hình ảnh quốc gia thân thiện, an toàn và hấp dẫn. Đồng thời, cần chú trọng đào tạo nguồn nhân lực du lịch có trình độ quốc tế, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng số và hiểu biết về xu hướng du lịch mới để đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững trong thời đại công nghệ số.

2.3.5. Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phát triển du lịch bền vững

Cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng lợi ích từ du lịch mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch tại địa phương. Tuy nhiên, thực tế cho thấy trình độ nhận thức và năng lực của người dân về du lịch bền vững vẫn còn có những hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và chuyển đổi số trong ngành du lịch hiện đại. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là giải pháp nền tảng nhằm thúc đẩy quá trình phát triển du lịch theo hướng bền vững, toàn diện. Trước hết, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về du lịch bền vững cho cộng đồng một cách toàn diện và thường xuyên. Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, nền tảng mạng xã hội, tổ chức hội thảo, tập huấn và các chương trình truyền thông cộng đồng, cần làm rõ ý nghĩa, lợi ích và trách nhiệm của người dân trong phát triển du lịch bền vững. Nội dung tuyên truyền cần đơn giản, gần gũi, dễ hiểu, tập trung vào các khái niệm cốt lõi như bảo vệ tài nguyên môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch đặc thù, và ứng xử văn minh với khách du lịch. Đồng thời, cần phát huy vai trò của chính quyền địa phương, tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng trong việc dẫn dắt, vận động người dân tham gia tích cực vào các hoạt động du lịch gắn với phát triển bền vững. Bên cạnh nâng cao nhận thức, việc phát triển năng lực thực tiễn cho cộng đồng là yếu tố then chốt để biến nhận thức thành hành động cụ thể. Cần triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên môn về dịch vụ du lịch, quản lý homestay, chế biến ẩm thực,... phù hợp với đặc điểm từng địa phương. Đồng thời, cần tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận vốn, hỗ trợ kỹ thuật và kết nối thị trường, từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế và tạo động lực duy trì hoạt động du lịch bền vững. Việc xây dựng mô hình du lịch cộng đồng kiểu mẫu, nhân rộng các điển hình tốt cũng là cách thiết thực để lan tỏa nhận thức và khuyến khích cộng đồng tham gia mạnh mẽ hơn.

3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN 4.0, phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và môi trường. Để đạt được điều này, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng trong việc hoàn thiện cơ chế chính sách, ứng dụng công nghệ, nâng cao nhận thức cộng đồng, bảo tồn giá trị văn hóa và tài nguyên thiên nhiên. Việt Nam cần tận dụng cơ hội từ công nghệ số và hội nhập quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia theo hướng xanh, sạch, thân thiện và thông minh. Phát triển du lịch bền vững không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh đất nước, bảo tồn bản sắc dân tộc và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của quốc gia trong dài hạn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2017), *Luật Du lịch*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
- [2] Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 ban hành "Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030"*, Hà Nội.
- [3] Chính phủ (2023), *Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 "Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững"*, Hà Nội.
- [4] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), *Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL, ngày 21/12/2022 phê duyệt đề án "Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn"*, Hà Nội.
- [5] Cổng thông tin điện tử Cục Du lịch quốc gia Việt Nam (2025), *Ngành Du lịch Việt Nam cán đích mục tiêu tăng trưởng, đón hơn 17,5 triệu lượt khách quốc tế năm 2024*, truy cập ngày 06/01/2025.
- [6] Lý Liệt Thanh (2024), *Tăng cường ứng dụng công nghệ số để phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Tạp chí điện tử Kinh tế và Dự báo, truy cập ngày 25/10/2024.